TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST Ngày 26-4-2023 V/v: "Ly hôn, con chung giữa anh B và chị H"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Ông Phạm Văn Thọ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Mai Văn B có lý do, vắng mặt chị Mai Thị H không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022, bản tự khai nguyên đơn anh Mai Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn B kết hôn với chị Mai Thị H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 03 năm

2016 tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh B chung sống bình thường, đến năm 2018 anh sang Hàn Quốc để lao động, kiếm tiền nuôi gia đình. Khi hai vợ chồng sống xa nhau thì bắt đầu phát sinh các mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng cách giải quyết một số vấn đề chung gia đình, vợ chồng bắt đầu có nhiều lời qua tiếng lại, cãi nhau. Do vợ chồng sống xa nhau, cuộc sống ly thân nên mỗi khi cãi nhau thì các vấn đề đều rất khó hoà giải, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng về quan điểm sống, lối sống và chuyện kinh tế vợ chồng. Từ năm 2019 vợ chồng hạn chế liên lạc và ít quan tâm đến nhau, từ cuối năm 2019 thì cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung cháu Mai Thuỳ C, sinh ngày 03-8-2016 và cháu Mai Bảo L, sinh ngày 27-02-2019, hiện nay hai con chung đang ở cùng chị H tại xóm 3, xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn anh B đề nghị Toà án xem xét giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 5.000.000đ/1 tháng/1 cháu.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Mai Văn B trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay anh Mai Văn B đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc, do dịch bệnh Covid cũng như do vị trí địa lý và đặc thù công việc không bố trí được thời gian về Việt Nam trong thời gian dài để tham gia quá trình giải quyết vụ án nên anh B đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

* Bị đơn chị Mai Thị H đã được Toà án giao cho nhận thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2022, chị đã biết được nội dung khởi kiện của anh Mai Văn B, đến nay chị không có yêu cầu phản tố. Chị H không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, chị đã vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên toà xét xử mà không có lý do. Đến nay chị H không có quan điểm của mình đối với vụ án.

* Tại biên bản làm việc ngày 09 tháng 11 năm 2022 với UBND xã Xuân T cung cấp: Anh Mai Văn B và chị Mai Thị H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định vào ngày 09-3-2016. Sau khí kết hôn anh B và chị H có làm nhà riêng trên thổ đất của bố mẹ anh B, tại địa phương vợ chồng anh chị sống hoà thuận hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra, năm 2018 anh B đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thỉnh thoảng anh B có về nghỉ phép sau đó lại đi, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn với nhau như thế nào thì địa phương không lắm được, hiện nay anh B vẫn đang ở

Hàn Quốc chưa về, chị H ở nhà làm công việc nội trợ và nuôi dạy các con. Vợ chồng anh chị có hai con chung Mai Thuỳ C sinh năm 2016, Mai Bảo L sinh năm 2019. Hai con chung đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu được ăn học ổn định. Về tài sản vợ chồng anh chị có xây dựng được một nhà máy bằng hai tầng trên thổ đất của bố mẹ anh B, nay anh B làm đơn xin ly hôn chị H đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, anh Mai Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Chị Mai Thị H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 175, Điều 177, Điều 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, nguyên đơn tham gia phiên họp. Bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử ly hôn giữa anh Mai Văn B và chị Mai Thị H. Con chung đề nghị giao hai cháu Mai Thuỳ C và cháu Mai Bảo L cho chị Mai Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H mỗi tháng 5.000.000đ theo mức anh tự nhận, anh được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con. Tài sản chung của anh B và chị H không đề nghị Toà án xem xét giải quyết, về công nợ chung của anh B, chị H không có gì nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí anh B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 thông qua ông Mai Quang Vinh là trưởng xóm 3, xã Xuân T nhưng chị H vẫn vắng mặt. Anh Mai Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn B và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 3 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân T, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa anh Mai Văn B và chị Mai Thị H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh B để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng anh Mai Văn B và chị Mai Thị H có hai con chung cháu Mai Thuỳ C, sinh ngày 03-8-2016 và cháu Mai Bảo L, sinh ngày 27-02-2019. Hiện nay hai con chung đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, anh B đồng ý để cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, anh tự nhận sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H mỗi tháng 5.000.000đ/ một con. Chị H không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung.

[5] Xét nguyện vọng của anh Mai Văn B trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Mai Thuỳ C và cháu Mai Bảo L đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi anh đi cư trú và làm việc tại Hàn Quốc cho đến nay, các cháu vẫn đang được ăn ở, cư trú ổn định, có môi trường sống tốt nhất để cho các cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, anh B đang cư trú và lao động tại Hàn Quốc ở xa nhà không có điều kiện để chăm sóc các con chung, anh B đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng để các con chung cho anh chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, việc anh B để con cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận, các con chung của vợ chồng anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Mai Thuỳ C và cháu Mai Bảo L cho chị H tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án anh B hoàn toàn tự nguyện nhận đóng góp mức cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H là 5.000.000đ/1 con/tháng. Do đó, cần buộc anh B phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung ở mức anh B tự nhận là hoàn toàn phù hợp pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Anh Mai Văn B trình bày vợ chồng anh không có tài sản gì chung nên không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết, chị Mai Thị H không có ý kiến gì về phần tài sản chung của vợ chồng nên về phần tài sản chung của vợ chồng anh B, chị H Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về công nợ chung: Anh Mai Văn B trình bày vợ chồng anh không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết, chị Mai Thị H không có ý kiến gì về phần công nợ chung của vợ chồng nên về phần công nợ chung của vợ chồng anh B, chị H Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Mai Văn B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 71 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Mai Văn B và chị Mai Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung cháu Mai Thuỳ C, sinh ngày 03-8-2016 và cháu Mai Bảo L, sinh ngày 27-02-2019 cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Mai Văn B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi con 5.000.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng)/ một tháng kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi hai con chung đến tuổi trưởng thành và tự lập được. Anh B có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: - Anh Mai Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006815 ngày 21-12-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, anh Mai Văn B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mai Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, chị Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Xuân T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Văn Tùng